

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày 11/01/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mây và Ông Gia Văn Tính.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2022/TLST-HS ngày 02/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HS ngày 28/12/2022, đối với các bị cáo:

1. Giàng Thị L; Sinh năm 1966; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ

Nơi sinh: xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A C (đã chết), Con bà: Phàng Thị G, sinh năm: 1938. Chồng: Sùng A C, sinh năm: 1964, bị cáo có 08 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Giàng Thị L đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 11/2022/LCĐKNCT-TAML ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Giàng Thị N; Sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ

Nơi sinh: Huyện Trạm Tầu, tỉnh Yên Bái;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng Súa S (đã chết), Con bà: Sùng Thị D, sinh năm: 1930. Chồng: Sùng A S, sinh năm: 1990 (là bị cáo trong vụ án này), bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Giàng Thị N đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 12/2022/LCĐKNCT-TAML ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Thào Thị P; Sinh năm: 2002; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ.

Nơi sinh: Xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thào A P, sinh năm: 1982, Con bà: Sùng Thị V, sinh năm: 1981. Chồng: Sùng A C, sinh năm: 1999 (là bị cáo trong vụ án), bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh ngày 24/01/2020.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Thào Thị P đang được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 13/2022/LCĐKNCT-TAML ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Sùng A S; Sinh năm: 1990; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi sinh: Huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng A C, sinh năm: 1964, Con bà: Giàng Thị L, sinh năm: 1966 (là bị cáo trong vụ án). Vợ: Giàng Thị N, sinh năm: 1991 (là bị cáo trong vụ án). Hiện vợ của bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Tam Chung. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2010

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Sùng A S bị bắt tạm giam ngày 10/11/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát. Có mặt tại phiên tòa.

5. Sùng A C; Sinh năm: 1999; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi sinh và nơi ĐKKHKT: Bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng A C, sinh năm: 1964, Con bà: Giàng Thị L, sinh năm: 1966 (là bị cáo trong vụ án). Vợ: Thào Thị P, sinh năm: 2022 (là bị cáo trong vụ án). Hiện vợ của bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh ngày 24/01/2020.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo Sùng A C bị bắt tạm giam ngày 10/11/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát. Có mặt tại phiên tòa.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng A – Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Ngọc K – Trợ giúp pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2022, Giàng Thị N, sinh năm 1991 (vợ bị cáo Sùng A S) ở bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đến nhà mẹ chồng là Giàng Thị L, sinh năm 1966 ở cùng bản chơi. Lúc này có Giàng Thị L (mẹ chồng) và Thào Thị P, sinh năm 2002 (vợ bị cáo Sùng A C) ở nhà. Tại đây, khi nói chuyện hai con dâu là Giàng Thị N và Thào Thị P có nói với mẹ chồng là Giàng Thị L về việc hai gia đình thiếu đất sản xuất. Sau khi nghe hai con dâu nói vậy, Giàng Thị L đã bảo hai con dâu lên khu vực rừng thuộc Khoảnh 7, tiểu khu 47 rừng phòng hộ, do Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát quản lý, thuộc bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để chặt phát cây rừng lấy đất sản xuất. Đây là khu vực đất rừng mà trước đây gia đình Giàng Thị L sau khi chuyển từ khu Hìn Phăng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát xuống đã canh tác. Tuy nhiên, sau đó được các cơ quan chức năng tuyên truyền nên khoảng 04 (bốn) năm trở lại đây gia đình đã trả lại cho Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát quản lý. Sau khi nghe mẹ chồng bảo như vậy cả hai con dâu đồng ý và thống nhất ngày hôm sau sẽ cùng nhau lên khu vực trên để chặt phát cây rừng lấy đất trồng ngô, sắn sau này thu hoạch sẽ chia đều cho hai gia đình. Sau đó Thào Thị P đã trực tiếp đến nhà Vàng Thị D, sinh năm 1992; Thào A S, sinh năm 2001; Thào A S1, sinh năm 2004 đều trú tại bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để nhờ đổi công đi chặt phát cây rừng, những người này đều đồng ý đi đổi công với Thào Thị P. Buổi tối khi ăn cơm, Sùng A C nghe nói gia đình sẽ đi chặt phát cây rừng và đồng ý đi phát cùng. Giàng Thị N cũng về nhà bảo chồng là Sùng A S đi phát rừng tại khu vực trên, mặc dù biết khu vực trên do Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát (Thuộc sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa) quản lý, S đồng ý đi phát cùng vợ.

Ngày hôm sau, Giàng Thị L, Giàng Thị N, Sùng A C, Thào Thị P, Sùng A S, Vàng Thị D, Thào A S, Thào A S, Sùng Thị D (con gái của Sùng A S) cùng nhau đi đến khu vực Khoảnh 7, tiểu khu 47 rừng phòng hộ, do Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Lát quản lý thuộc bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để chặt phát cây rừng. Trên đường đi, Giàng Thị N có gặp và nhờ đổi công thêm với Sùng A N, sinh năm 1989; Giàng Thị G, sinh năm 1993; Sùng A C, sinh năm 1990; Vàng Thị G, sinh năm 1991, đều trú tại bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đi chặt phát cùng. Khi cả nhóm Giàng Thị L, Giàng Thị N, Thào Thị P, Sùng A S, Sùng A C, Sùng Thị D, Vàng Thị D,

Thào A S, Thào A S, Sùng A N, Giàng Thị G, Sùng A C, Vàng Thị G đang chặt phát cây rừng được $\frac{1}{2}$ ngày thì có Tổ công tác của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát đến yêu cầu mọi người dừng việc chặt phát cây rừng và mọi người dừng việc chặt phát cây rừng. Đến ngày hôm sau, do vẫn đang còn một phần diện tích rừng chưa chặt phát hết, nên hai vợ chồng Giàng Thị N, Sùng A S và Thào Thị P, Sùng A C tiếp tục đến khu vực rừng đang chặt phát dở, dọn dẹp thêm khoảng một tiếng đồng hồ nữa. Quá trình chặt phát cây rừng của những người nêu trên đều sử dụng dao quắm để chặt phát và không chia cụ thể từng phần, từng khu vực cho từng người chặt phát mà cùng nhau phát chung. Các cây bị chặt hạ tại hiện trường bao gồm cây le, cây nứa, cây vầu, cây gỗ, các đối tượng để nguyên tại vị trí chặt hạ, những con dao dùng chặt phát, những người này đã vứt đi và một số lâu ngày bị mất, nên cơ quan chức năng chỉ thu giữ được 02 (hai) dao phát (Loại dao quắm).

Phát hiện hành vi chặt phá cây rừng ở trên là vi phạm pháp luật, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đã báo cáo vụ việc đến Hạt kiểm lâm huyện Mường Lát xác minh, làm rõ theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/02/2022, Hạt kiểm lâm, Cơ quan CSĐT, VKSND, chính quyền địa phương đã phối hợp khám nghiệm hiện trường tại khu vực rừng bị những người của gia đình Giàng Thị L chặt phát. Kết quả khám nghiệm như sau:

Hiện trường khu rừng bị chặt phát thuộc Khoảnh 7, tiểu khu 47 rừng phòng hộ, do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát quản lý thuộc bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa quản lý, diện tích bị chặt phát là 6.959m² (Sáu nghìn chín trăm năm mươi chín mét vuông), loại rừng phòng hộ, gồm những loại cây vầu, nứa và một số cây thân gỗ nhỏ.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, Hạt kiểm lâm huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “Hủy hoại rừng” xảy ra tại Khoảnh 7, tiểu khu 47 rừng phòng hộ, do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát quản lý, bảo vệ, thuộc địa giới hành chính bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, Cơ quan Hạt kiểm lâm huyện Mường Lát ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-KLML, trưng cầu Tổ giám định - Chi cục kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa giám định loại rừng; giám định diện tích thiệt hại tại khu vực vi phạm; giám định giá trị thiệt hại đối với diện tích bị chặt hạ.

Tại Kết luận giám định số 01/2022-KLGD, ngày 14/03/2022 của Tổ giám định - Chi cục kiểm lâm Thanh Hóa kết luận:

Kết quả kiểm tra hiện trường, khu vực đất có cây Vầu, Nứa và một số cây gỗ bị chặt hạ được khống chế bởi 18 điểm tọa độ sau:

TT	Tọa độ VN 2000		TT	Tọa độ VN 2000	
	X	Y		X	Y
1	464231	2272633	10	464350	2272622

2	464235	2272626	11	464352	2272612
3	464241	2272616	12	464336	2272585
4	464252	2272615	13	464332	2272556
5	464273	2272621	14	464319	2272534
6	464303	2272632	15	464288	2272555
7	464311	2272640	16	464252	2272583
8	464336	2272623	17	464225	2272612
9	464346	2272628	18	464228	2272620

a, Loại rừng (chức năng rừng): Khu vực được không chế bởi các điểm có tọa độ nêu trên được quy hoạch loại rừng **Phòng hộ** (Phê duyệt tại Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2025).

b, Diện tích: Khu vực được không chế bởi các điểm có tọa độ nêu trên có diện tích **6.959 m²** (Sáu nghìn chín trăm năm chín mét vuông).

c, Giá trị thiệt hại đối với diện tích bị chặt: Căn cứ điểm d, Khoản 2, Điều 68 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Tổ giám định từ chối thực hiện giám định nội dung “Giám định giá trị thiệt hại đối với diện tích bị chặt hạ” lý do, các tài liệu cung cấp không có giá trị để kết luận, nội dung yêu cầu giám định vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của Tổ giám định.

Ngày 06/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 02/QĐ-CSĐT giám định xác định chức năng, trạng thái đối với diện tích rừng đã bị chặt hạ là 6.959 m², sau khi bị chặt hạ thì rừng có còn chức năng là rừng hay không; xác định thiệt hại về môi trường đối với diện tích rừng đã bị chặt hạ ở trên.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 06/2022-KLGD ngày 04/7/2022 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa kết luận:

+ Xác định chức năng rừng: Diện tích 6.959 m² rừng bị chặt hạ được quy hoạch loại rừng **Phòng hộ** (phê duyệt tại Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2025)

+ Trạng thái rừng: Đối chiếu Mục 1.2.3, Phụ lục I về Phân chia trạng thái rừng, ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, khu vực giám định trước khi bị tác động có trạng thái **Rừng hỗn giao TN-G tự nhiên núi đất** (Ký hiệu HG2).

+ Căn cứ kết quả kiểm tra ngày 11/3/2022 của Tổ giám định Chi cục kiểm lâm, tại hiện trường toàn bộ số cây gỗ, nứa đã bị chặt hạ, do đó sau khi bị chặt hạ cây trái phép khu vực nêu trên **không** còn chức năng là rừng.

+ Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 68 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; Tổ giám định từ chối thực hiện giám định nội dung “Xác định thiệt hại về môi trường

đối với diện tích đã bị chặt hạ”; lý do các tài liệu cung cấp không có giá trị để kết luận, nội dung yêu cầu giám định vượt quá khả năng chuyên môn của Tổ giám định.

Ngày 13/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 90/QĐ-CSĐT trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa giám định hậu quả thiệt hại về môi trường đối với diện tích rừng đã bị chặt hạ là 6.959m² (Sáu nghìn chín trăm năm chín mét vuông).

Ngày 03/11/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa có Công văn số 9722/STNMT-BVMT gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát về việc cung cấp các tài liệu phục vụ công tác giám định xác định thiệt hại về môi trường. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa kết quả không thu thập được các tài liệu theo yêu cầu nêu trên. Xét thấy kết quả giám định thiệt hại về môi trường trong vụ án không ảnh hưởng đến tính khách quan cũng như không làm ảnh hưởng đến việc định tội, khung, khoản của Điều luật, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không tiếp tục thực hiện giám định thiệt hại về môi trường đối với diện tích rừng đã chặt phá ở trên.

Đối với những tài sản là các cây bị chặt hạ thì: Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-ĐGTS ngày 03/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Lát kết luận:

+ Tổng số cây Le bị chặt hạ là 18.023 (Mười tám nghìn không trăm hai ba) cây. Toàn bộ số cây le bị chặt hạ ở trên có đường kính trung bình từ 2cm đến 4cm, chiều dài trung bình từ 03 đến 05 mét. Giá trị thiệt hại là: 10.814.000đ (Mười triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng).

+ Tổng số cây Nứa bị chặt hạ là 09 (chín) cây. Toàn bộ số cây nứa bị chặt hạ ở trên có đường kính trung bình từ 04cm đến 05cm, chiều dài trung bình từ 05 đến 6 mét. Giá trị thiệt hại: 45.000đ (Bốn lăm nghìn đồng).

+ Tổng số cây Vầu bị chặt hạ là 11 (Mười một) cây. Toàn bộ số cây vầu bị chặt hạ ở trên có đường kính trung bình từ 05cm đến 07cm, chiều dài trung bình từ 06 mét đến 08 mét. Giá trị thiệt hại: 82.000đ (Tám hai nghìn đồng).

+ Tổng số cây Gõ bị chặt hạ là 30 (ba mươi) cây, có đường kính trung bình từ 10 cm đến 25 cm. Giá: 455.000đ (Bốn trăm năm lăm nghìn đồng).

Tổng giá trị thiệt hại là: 11.396.000đ (Mười một triệu ba trăm chín sáu nghìn đồng).

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 (Một) dao quắm có cán bằng gỗ, dài 80cm (Tám mươi centimet), dao đã qua sử dụng.

- 01 (Một) dao quắm có cán bằng gỗ, dài 60cm (Sáu mươi centimet), dao đã qua sử dụng. Hiện tất cả đang được bảo quản tại Kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: Quá trình điều tra, đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Tại phiên tòa đại diện của Nguyên đơn dân sự đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải bồi thường theo quy định.

Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện cho nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-ML ngày 02/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo về tội “Hủy hoại rừng”, theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi hủy hoại rừng, các bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác. Các bị cáo khai, biết rõ khu rừng chặt phá là của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát quản lý, biết hành vi hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm, nhưng do các gia đình không có đất canh tác nên đã cố tình chặt phá. Các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Tranh luận và luận tội: Tại phiên tòa. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật: Áp dụng: Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm c khoản 1 Điều 243; Điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên, các bị cáo Giàng Thị L, Giàng Thị N, Thào Thị P, Sùng A S và Sùng A C phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng Thị L từ 20-24 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt bị cáo Giàng Thị N từ đến 16 - 20 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật;

Xử phạt bị cáo Thào Thị P từ 16 - 20 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật;

Xử phạt bị cáo Sùng A S từ 20-24 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật;

Xử phạt bị cáo Sùng A C từ 20-24 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì các bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định, đều thuộc diện hộ nghèo, nên không có tính khả thi.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 (một) dao quắm có cán bằng gỗ, dài 80cm (tám mươi centimet), dao đã qua sử dụng và 01 (một) dao quắm có cán bằng gỗ, dài 60cm (sáu mươi centimet), dao đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, số tiền là 11.396.0000đ (Mười một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Về án phí: Các bị cáo có tội và phải bồi thường trách nhiệm dân sự, nhưng các bị cáo đều thuộc trường hợp được miễn án phí, nên không phải nộp án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Các bị cáo nhận tội, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ TNHS mà đại diện VKS đề nghị đối với các bị cáo. Người bào chữa cho rằng các bị cáo phạm tội một phần do lạc hậu, do thiếu đất canh tác để lấy lương thực nuôi sống gia đình, một phần do phong tục tập quán từ lâu đời để lại là phát nương làm rẫy, nhận thức pháp luật còn hạn chế, do không biết chữ. Trước khi có hành vi phạm tội, các bị cáo đều là những công dân tốt, chưa vi phạm pháp luật, chấp hành mọi đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được đoàn thể, thôn bản, chính quyền địa phương có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Nên, đề nghị HĐXX cho cả 05 bị cáo được hưởng mức án từ 16-20 tháng cải tạo không giam giữ, để các bị cáo có điều kiện được trồng khắc phục lại khu rừng đã chặt phát, sửa chữa lỗi lầm của các bị cáo đã gây ra cho Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Nhất trí với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình các bị cáo đều là hộ nghèo, nên đề nghị HĐXX miễn án phí HSST và án phí DSST cho các bị cáo.

Các bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS. Các bị cáo đồng ý bồi thường dân sự cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát và hứa sẽ trồng tái tạo lại rừng tại khu vực các bị cáo đã chặt phát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất và cho hưởng án treo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người đại diện của nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định:

Vào khoảng tháng 01 năm 2022, Giàng Thị L, Giàng Thị N, Thảo Thị P, Sùng A S, Sùng A C có hành vi dùng dao quắm chặt, phát rừng có diện tích 6,959m² thuộc Khoảnh 7, tiểu khu 47 rừng phòng hộ, do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát quản lý, thuộc bản Suối Lóng, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa quản lý để làm nương rẫy và thiệt hại vật chất về giá trị cây cối là 11.396.000đ qua định giá tài sản. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Hủy hoại rừng” với tình tiết định khung “Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 7.000 mét vuông (m²)” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, vì các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết hủy hoại rừng là vi phạm pháp luật, nhưng do không có đất canh tác nên cố tình thực hiện, hành vi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý rừng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, tuy các bị cáo có sự thống nhất ý trí từ trước, có sự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm từng đồng phạm để thực hiện.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo còn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình còn là hộ nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế; Các đoàn thể, thôn, bản và UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; trước khi có hành vi phạm tội, các bị cáo luôn chấp hành tốt mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt các nội quy, quy chế tại thôn, bản, nơi sinh sống. Nên HĐXX cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật và để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Với tình tiết, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì HĐXX sẽ xem xét, xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để răn đe, phòng ngừa chung.

[5]. Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo là có căn cứ, vẫn có tính răn đe, phòng ngừa.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định, gia đình các bị cáo còn là hộ nghèo. Nên, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Xét về trách nhiệm dân sự: Đại diện ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự là 11.396.000đ. Xét thấy, yêu cầu của Người đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ là hợp lý, phù hợp với thiệt hại đã xảy ra, nên HĐXX chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, số tiền là 11.396.000đ (Mười một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Mức bồi thường chia đều cho từng bị cáo, mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.279.200đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng).

[7]. Xét về vật chứng trong vụ án:

Tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 (một) dao quắm có cán bằng gỗ, dài 80cm (tám mươi centimet), dao đã qua sử dụng và 01 (một) dao quắm có cán bằng gỗ, dài 60cm (sáu mươi centimet), dao đã qua sử dụng. Vì, đây là công cụ, dụng cụ phạm tội.

Tang vật của vụ án đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[8]. Xét về án phí: Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo và đã có đơn xin miễn án phí. Nên, HĐXX miễn án phí HSST và án phí DSST cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

[9]. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo và Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[10]. Các nhận định khác:

- Đối với hành vi chặt phát cây rừng của Thào A S, Thào A S, Vàng Thị D, Sùng A N, Giàng Thị G, Sùng A C, Vàng Thị G. Quá trình điều tra xác định, mục đích đi chặt phát cây rừng của những người này là đổi công làm nương rẫy với nhóm gia đình Giàng Thị N, Thào Thị P; Tất cả những người này đều không biết khu vực đã chặt phát ở trên là khu vực đất rừng phòng hộ thuộc sự quản lý của Ban quản lý

rừng phòng hộ huyện Mường Lát. Sau khi bị nhắc nhở, ngăn cản của cơ quan chức năng thì họ không tiếp tục thực hiện hành vi chặt phá rừng. Vì vậy, hành vi của Thào A S, Thào A S, Vàng Thị D, Sùng A N, Giàng Thị G, Sùng A C, Vàng Thị G chưa đến mức phải xử lý hình sự.

- Đối với hành vi chặt phá cây rừng của Sùng Thị D (là con gái Sùng A Sái và Giàng Thị N). Quá trình điều tra xác định, mặc dù ở cùng nhà, nhưng Sùng Thị D không biết khu vực chặt phá ở trên là khu vực đất rừng phòng hộ thuộc sự quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát, chưa giao cho gia đình sử dụng, không nhận thức được hành vi chặt phá cây rừng của mình là vi phạm pháp luật. Vì vậy không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Sùng Thị D.

[11]. Kiến nghị: Trong thời gian tới, đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát cần tuyên truyền, cấm biển, mốc giới đối với những khu rừng phòng hộ, rừng sản xuất được giao quản lý.

Kiến nghị đến UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát cần tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể bà con nhân dân trên địa bàn về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ rừng, có biện pháp kiểm tra, giám sát đối với các hành vi phát nương làm rẫy, du canh, du cư của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn quản lý. Có chủ trương đề và nghị cơ quan chuyên môn cấp trên quy hoạch, giao đất, giao rừng cho nhân dân sản xuất, canh tác, bảo vệ theo chủ trương chung của cấp trên.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 1 Điều 243; Điều 17; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Về tội danh: Tuyên, các bị cáo Giàng Thị Lâu, Giàng Thị Náng, Thào Thị Pằng, Sùng A Sái, Sùng A C: phạm tội “Hủy Hoại rừng”.

Về hình phạt:

Hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo **Giàng Thị L 24** (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

- Xử phạt bị cáo **Giàng Thị N 20** (Hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

- Xử phạt bị cáo **Thào Thị P 20** (Hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023).

- Xử phạt bị cáo **Sùng A S 20** (Hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023). Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Xử phạt bị cáo **Sùng A C 20** (Hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/01/2023). Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Giao các bị cáo Giàng Thị L, Giàng Thị N, Thào Thị P, Sùng A S và Sùng A C cho UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo: Giàng Thị L, Giàng Thị N, Thào Thị P, Sùng A S và Sùng A C phải liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, số tiền là 11.396.0000đ (Mười một triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Mức bồi thường chia đều cho từng bị cáo, mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.279.200đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự”.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Về biện pháp tư pháp: Các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11/2022/LCĐKNCT-TA, số 12/2022/LCĐKNCT-TA và số 13/2022/LCĐKNCT-TA đối với Giàng Thị L, Giàng Thị N và Thào Thị P tiếp tục được thực hiện đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 dao quắm có cán bằng gỗ, dài 80cm, dao đã qua sử dụng và 01 dao quắm có cán bằng gỗ, dài 60cm, dao đã qua sử dụng.

Vật chứng trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 01/QĐ-VKS-ML, ngày 02/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và

Biên bản giao nhận vật chứng số: 22/2023/TV-CCTHADS ngày 02/12/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Về án phí: Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên miễn tiền án phí HSST và án phí DSST cho các bị cáo.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người địa diện của nguyên đơn dân sự; Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Phòng 7-VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm giữ – Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận Hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Dũng

